

Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế

Đinh Công Khải

Từ chính sách thương mại đến chính sách công nghiệp

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP LÀ GÌ?

▪ Định nghĩa

Những biện pháp của chính phủ nhằm thay đổi phân phối nguồn lực giữa các ngành hoặc mức độ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong một ngành để thúc đẩy tăng trưởng dựa trên năng suất.

- Chính sách công nghiệp nhằm phát triển các ngành nói chung
- Chính sách nhằm tái cơ cấu giữa các ngành công nghiệp
- Chính sách tái cơ cấu lại các doanh nghiệp trong một ngành

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP LÀ GÌ?

▪ Mục tiêu và phạm vi của chính sách công nghiệp

• Mục tiêu

- Thúc đẩy tăng trưởng thông qua tăng khả năng cạnh tranh quốc tế.
- Phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao.
- Phát triển các ngành hướng xuất khẩu? Thay thế nhập khẩu?
- Phát triển các ngành “mới”, ngành CN mũi nhọn.
- Nâng cao năng lực công nghệ.
- Tạo ra việc làm trong nước.
- Bảo vệ môi trường.
-

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP LÀ GÌ?

- **Phạm vi:** Không chỉ giới hạn trong công nghiệp chế tạo mà bao gồm các ngành làm gia tăng giá trị cho các sản phẩm công nghiệp.
- Các công cụ của chính sách công nghiệp
 - Chính sách công nghiệp “cứng”
 - Tạo dựng rào cản thông qua thuế, hạn ngạch, kiểm soát ngoại hối
 - Trợ giúp doanh nghiệp thông qua trợ cấp, giảm thuế, tín dụng ưu đãi, phân bổ tín dụng
 - Yêu cầu tỷ lệ nội địa hóa
 - Can thiệp trực tiếp vào giá như kiểm soát giá doanh nghiệp nhà nước

– Chính sách công nghiệp “mềm”

- Xúc tiến xuất khẩu thông qua tiếp thị, tài trợ, bảo hiểm, thành lập khu chế xuất, tổ chức xúc tiến xuất khẩu
- Xúc tiến công nghệ thông qua trợ cấp cho hoạt động R&D, luật về quyền sở hữu trí tuệ.
- Phát triển nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo.
- Biện pháp hỗ trợ đầu tư thông qua thu hút FDI, điều tiết đầu tư, định hướng phát triển ngành, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và pháp lý, thúc đẩy cạnh tranh

▪ **Các chính sách công nghiệp phổ biến trước đây**

• **Ở các đang phát triển**

- ✓ Chính sách công nghiệp thay thế hàng NK
- ✓ Chính sách bảo hộ các ngành CN non trẻ
- ✓ Được thực hiện thông qua các công cụ can thiệp nhằm bảo hộ thị trường (chính sách thương mại)
- ✓ **Những hệ lụy**
 - ➔ Sản xuất kém hiệu quả
 - ➔ Cản trở khả năng XK
 - ➔ Hạn chế khả năng tăng trưởng
 - ➔ Không tận dụng được lợi thế do tăng quy mô
 - ➔ Không đối phó hữu hiệu đối với những tác động của khủng hoảng

- **Ở các nước phát triển**

- ✓ Sử dụng chính sách thương mại chiến lược (can thiệp vào thị trường tài chính)
- ✓ Trợ cấp chi phí R&D hoặc tín dụng rẻ

- **Quan điểm chiến lược phát triển công nghiệp**

- Khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò dẫn dắt

- Công nghiệp hóa nên ưu tiên cho phát triển các ngành công nghiệp thượng nguồn.
- Khu vực tư nhân không có động cơ đầu tư vào những ngành này
- Nhà nước lựa chọn các ngành được ưu tiên và trực tiếp đầu tư thông qua doanh nghiệp nhà nước
- Vấn đề đối với kiểu chiến lược công nghiệp này là gì?

- Khu vực FDI đóng vai trò dẫn dắt

- Sử dụng FDI để phát triển khi mà nền công nghiệp trong nước không thể cạnh tranh
- Chính phủ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước để liên kết với các doanh nghiệp FDI và qua đó tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu
- Hỗ trợ của chính phủ cho các doanh nghiệp trong nước bao gồm nâng cao năng lực, tiếp cận thị trường, cơ sở hạ tầng thích hợp

– Khu vực kinh tế tư nhân đóng vai trò dẫn dắt

- Khó chọn được người thắng cuộc cũng như những biện pháp hỗ trợ cho các ngành ưu tiên
- Vấn đề tự chủ kinh tế và FDI
- Chính phủ không nên can thiệp trực tiếp và thị trường sẽ xác định kẻ thắng người thua
- Chính phủ chỉ tạo dựng môi trường cho thị trường hoạt động có hiệu quả như gỡ bỏ tất cả các rào cản về chính sách và thể chế, tạo ra một hệ thống khuyến khích tốt cho sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân
- Hỗ trợ R&D, cải cách hành chính, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, pháp lý, giáo dục, y tế.

TẠI SAO PHẢI CÓ CHÍNH SÁCH CN?

- WTO và hội nhập khu vực làm mất tác dụng của chính sách ngoại thương để khuyến khích sản xuất
- Hệ thống tiền tệ quốc tế ngày nay làm hạn chế phạm vi của chính sách ngoại hối
- Tự do lưu chuyển vốn quốc tế và thay đổi địa điểm đầu tư: FDI ngày càng trở nên quan trọng hơn so với ngoại thương
- Sự can thiệp chính phủ có cần thiết không?
 - Ngoại tác: các doanh nghiệp đầu tư thấp hơn mức tối ưu do hiệu ứng lan truyền công nghệ
 - Lợi thế kinh tế theo quy mô và phát triển các cụm ngành
 - Cạnh tranh không hoàn hảo trên thị trường hàng hóa và thị trường vốn
- Chính sách còn lại: Chính sách công nghiệp

CHÍNH SÁCH CN CÓ HOẠT ĐỘNG KHÔNG?

- Dani Rodrik (2004)

«Không có gì ngạc nhiên khi thấy rằng tái cơ cấu công nghiệp hiếm khi diễn ra mà không cần sự trợ giúp của chính phủ. Lướt qua những thành công xuất khẩu phi truyền thống bất cứ nơi nào trên thế giới, bạn sẽ tìm thấy chính sách công nghiệp, hỗ trợ R & D, trợ cấp xuất khẩu, thỏa thuận thuế nhập khẩu ưu đãi, và sự can thiệp tương tự khác ẩn bên dưới bề mặt của sự thành công này".

CHÍNH SÁCH CN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

- Chính sách công nghiệp bị giới hạn bởi nguyên tắc của WTO và hội nhập khu vực
 - Cam kết hạ thấp thuế quan
 - Cấm trợ cấp xuất khẩu và hạn ngạch
 - TRIPs và TRIMs
- Kiến trúc mới của sản xuất công nghiệp toàn cầu
 - Mỗi nhà sản xuất là một phần của mạng lưới thương mại toàn cầu
 - “Giải thích hàng công nghiệp được sản xuất như thế nào và ở đâu không còn dễ dàng nữa - thiết kế, sản xuất, phân phối, và dịch vụ được phân chia thành từng công đoạn và được sản xuất trong phạm vi toàn cầu” (ADB, 2003)

VẤN ĐỀ BÊN TRONG CỦA CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP

- Chính phủ có thể thất bại trong chọn lựa ngành được ưu tiên và không thể chọn ra người thắng cuộc
- Những nước đang phát triển thiếu đội ngũ có năng lực để thực thi chính sách hiệu quả
- Chính sách công nghiệp có thể bị chi phối bởi các nhóm lợi ích làm xuất hiện đặc lợi kinh tế và tham nhũng

KINH NGHIỆM TẠI NHẬT VÀ HÀN QUỐC

- **Khuyến khích XK và hạn chế NK**
 - ✓ Hạn chế nhập khẩu
 - ✓ Ưu tiên việc xúc tiến XK cho một số ngành cụ thể
 - ✓ Đề ra mục tiêu XK cụ thể cho các doanh nghiệp nếu muốn nhận trợ cấp (HQ)
 - ✓ Trợ cấp lãi suất và tín dụng, cung cấp ngoại hối cho các doanh nghiệp đã đáp ứng mục tiêu XK
 - ✓ Xúc tiến XK qua JETRO (Nhật) và KOTRA (HQ)
 - ✓ Cung cấp cơ sở hạ tầng, vốn, và nhân lực hỗ trợ XK
 - ✓ Miễn giảm thuế NK cho các thiết bị liên quan đến R&D

▪ Can thiệp vào thị trường SP và thị trường các yếu tố sx

- ✓ Sử dụng rộng rãi hình thức cartel
- ✓ Chính phủ tạo ra và khuyến khích các tập đoàn lớn (HQ)
- ✓ Cắt giảm thuế cho các tập đoàn lớn để tăng vốn đầu tư
- ✓ Khuyến khích mối quan hệ giữa ngành tài chính và CN
- ✓ Đàn áp lao động để đảm bảo cho sự ổn định lao động trong những giai đoạn thay đổi cơ cấu (HQ)
- ✓ Thành lập các ngành công nghiệp quốc doanh để phát triển ngành công nghiệp

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường
 - Không có cơ hội cho phát triển khu vực tư nhân cho đến 1986
 - Chính sách “đổi mới” 1986, tự do hóa dần dần
 - Sau năm 1993-1995: FDI gia tăng mạnh
 - Luật doanh nghiệp năm 2000-2005: mở đường cho những doanh nghiệp mới gia nhập
 - 2007: gia nhập WTO
 - Tự do hóa khu vực tài chính: Tỷ phần cho vay khu vực tư nhân tăng từ 37% 1994) đến 76% (2006).
 - Tập trung đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng như điện, giao thông, viễn thông
 - Phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn tại các trung tâm kinh tế

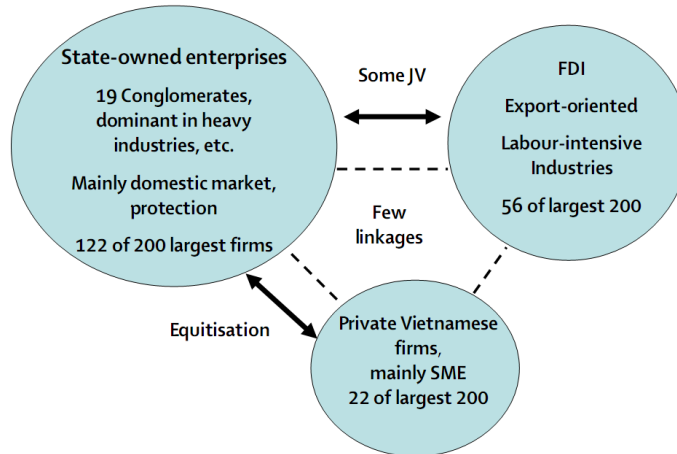
CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Tạo ra một nền kinh tế đa thành phần
 - Khu vực công nghệ chế tạo ban đầu được sở hữu bởi nhà nước. Tập trung chủ yếu công nghiệp nặng và được bảo hộ
 - Đến năm 1993, tự do hóa FDI dẫn đến phát triển các ngành công nghiệp chế tạo thâm dụng lao động cho xuất khẩu (may mặc, giày da)
 - Luật doanh nghiệp năm 2000-2005 với sự nở rộ của các doanh nghiệp tư nhân Việt nam
 - Vấn đề nền kinh tế nhiều thành phần và ưu thế của sở hữu toàn dân

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Hội nhập toàn cầu tương đối thành công
 - Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao
 - Giá trị gia tăng công nghiệp tăng nhanh
 - Tỷ trọng xuất khẩu trên GDP hiện nay 75%
 - FDI tăng rất mạnh

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Chính sách cho doanh nghiệp nhà nước
 - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước
 - Doanh nghiệp chiến lược vẫn thuộc sở hữu nhà nước 100%
 - Khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn còn chiếm 34% giá trị gia tăng công nghiệp
 - Tốc độ cải cách chậm và hoạt động kém hiệu quả hơn so với doanh nghiệp FDI và tư nhân
 - Thuế, cho vay ưu đãi, không yêu cầu thế chấp, tái cấu trúc nợ
 - Được trợ cấp : phân bổ đất có giá trị, đầu tư cơ sở hạ tầng. Miễn

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Chính sách mới
 - Gia nhập WTO đe dọa sự cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước
 - Tạo ra 19 tập đoàn kinh tế nhà nước bằng cách sáp nhập những doanh nghiệp nhỏ
 - Vốn đầu tư của khu vực này chiếm 40% tổng vốn đầu tư
 - Chiếm khoảng 60% vốn vay của ngân hàng thương mại và 70% vốn vay nước ngoài
 - Vốn 56 tỷ đô la (Vốn tự có 25 tỷ, Vay mượn 31 tỷ)
 - Phân phát quyền sử dụng đất, cấp tiền vốn ngân sách, tiếp cận tín dụng dễ dàng
 - Tại sao phát triển các tập đoàn kinh tế nhà nước?

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Chính sách thu hút FDI
 - Hình thành các khu chế xuất và công nghiệp ở Việt Nam
 - Cấp giấy phép cho các nhà đầu tư nước ngoài
 - Ưu đãi thuế, đất đai
 - Kiểm soát đầu tư
- Doanh nghiệp FDI gia tăng
 - Hấp dẫn bởi tăng trưởng cao (Hsieh, 2005)
 - Ổn định chính trị, quy mô và chất lượng thị trường lao động (Mirza và Giroud, 2004)
 - Yếu tố cởi mở của nền kinh tế (Parker và đồng sự, 2005)
 - Chất lượng cơ sở hạ tầng (Meyer và Nguyen, 2005)

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Chính sách đối với doanh nghiệp trong nước
 - Luật doanh nghiệp 2000 và 2005
 - Rất ít sự hỗ trợ cho doanh nghiệp tư nhân. Chính sách thiên lệch cho các doanh nghiệp nhà nước và FDI
 - Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như tìm kiếm thông tin kinh doanh, tư vấn thông tin về pháp luật, tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại

CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Vấn đề đối với chính sách công nghiệp Việt nam
 - Định hướng và lộ trình thực hiện không rõ ràng
 - Định hướng công nghiệp hóa? Lộ trình thực hiện? Ngành nào được chọn lựa? Khu vực nào định hướng?
 - Những thách thức trong quá trình hội nhập?
 - Vai trò của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khu vực tư nhân?
 - Vấn đề phối hợp giữa nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân?
 - Hỗ trợ cho các ngành hỗ trợ và đầu tư thượng nguồn như thế nào?
 - Chiến lược cho những ngành ưu tiên được xây dựng theo kiểu định lượng lạc hậu
 - Chiến lược cho các ngành ưu tiên không đáp ứng yêu cầu của hội nhập
 - Lập kế hoạch theo kiểu định ra các mục tiêu sản lượng, xuất khẩu, đầu tư mới

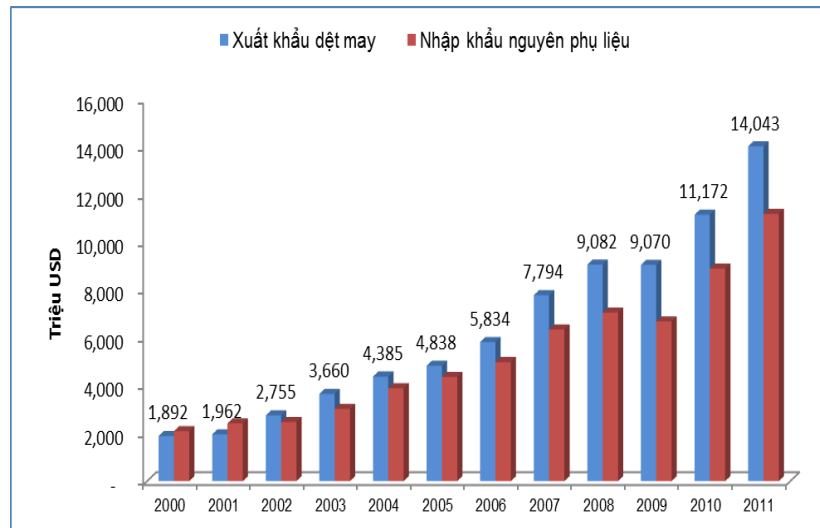
CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

- Những trở ngại trong bối cảnh toàn cầu hóa
 - Tự do hóa thương mại trong bối cảnh công nghiệp chưa phát triển
 - Việt nam còn yếu kém trong tích lũy FDI, các ngành công nghiệp hỗ trợ và tiếp thu công nghệ
- Những điều chỉnh cần thiết:
 - Trở thành một mối liên kết trong chuỗi cung ứng khu vực hay toàn cầu
 - Thu hút FDI nhằm phát triển hai lĩnh vực lắp ráp và sản xuất phụ tùng
 - Kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI
 - Tạo ra hiệu ứng lan tỏa công nghệ

BỐI CẢNH NGÀNH DỆT MAY VN

- Chiếm 8-10% GDP cả nước; 8,3% GTSX công nghiệp (9,3% GTSX công nghiệp chế biến) cả nước.
- Sử dụng 2,5 triệu lao động $\approx 10\%$ lực lượng lao động
- Kim ngạch xuất khẩu lớn nhất:
 - 2012: 17,2 tỷ USD $\approx 15\%$ tổng kim ngạch xuất khẩu.
- Tốc độ tăng trưởng XK cao:
 - 1995-2011: Tăng trưởng đều đặn ở mức 20%
 - 2005-2012: Thị phần so KNXK thế giới tăng từ 1,7% lên 2,5%
- “Chất lượng tăng trưởng” thấp:
 - Giá trị gia tăng thấp: chỉ khoảng 25%
 - Chủ yếu là gia công: CMT $\approx 60\%$; ODM $\approx 2\%$
 - Tỷ suất lợi nhuận thấp: 5-10%
 - Tỷ lệ nhập khẩu nguyên phụ liệu cao (70%)
 - Lao động phổ thông là chủ yếu

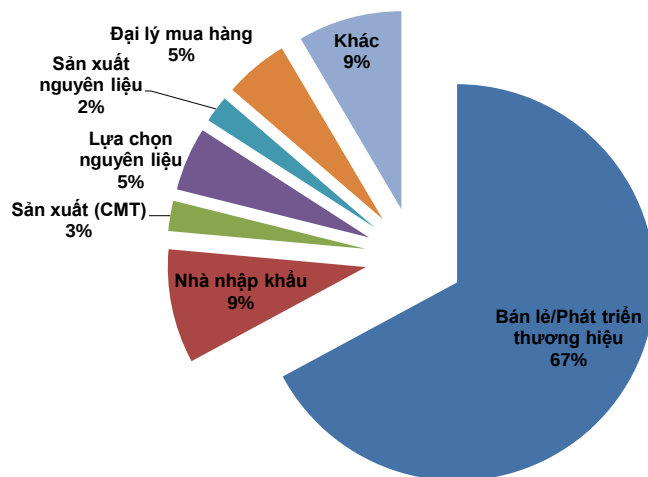
PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ DỆT MAY VIỆT NAM



Nguồn: Hiệp hội dệt May VN

27

GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA TỪNG KHÂU ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ÁO SƠ MI NAM

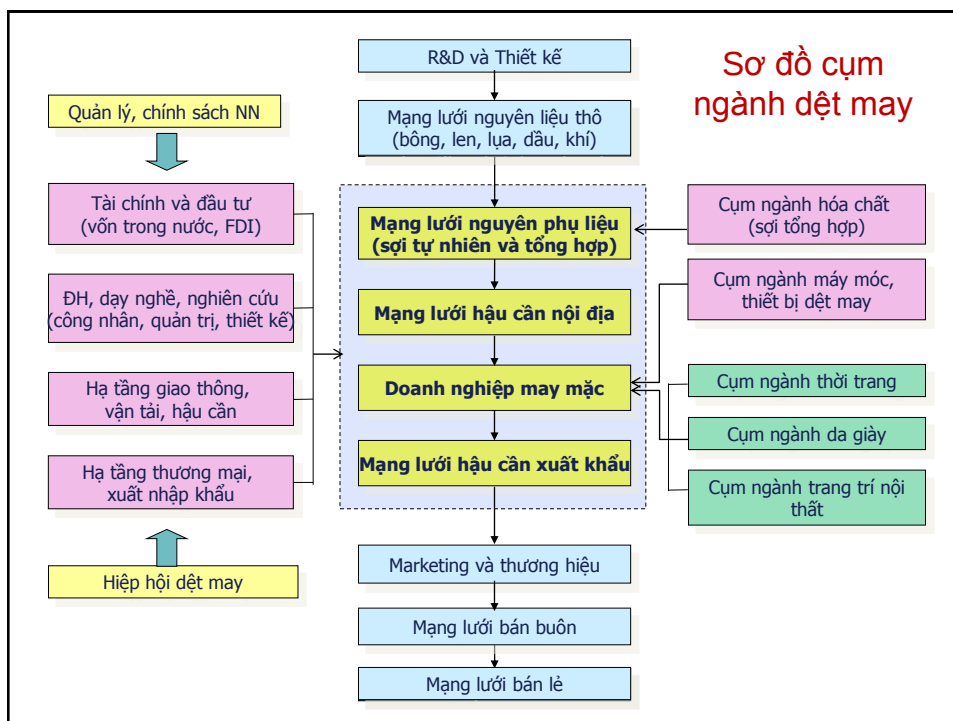


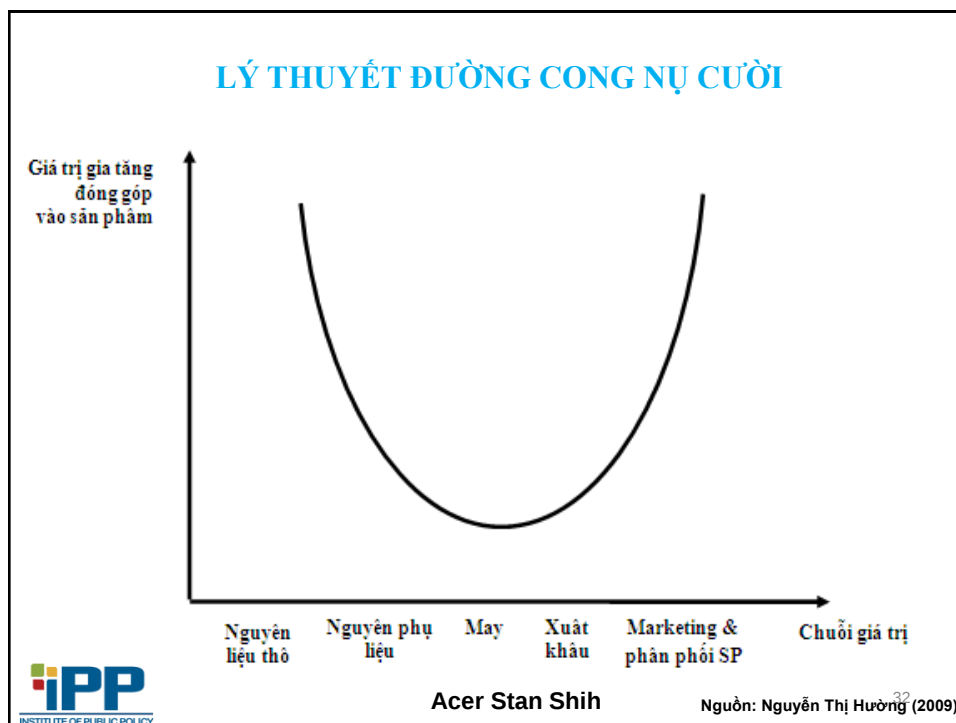
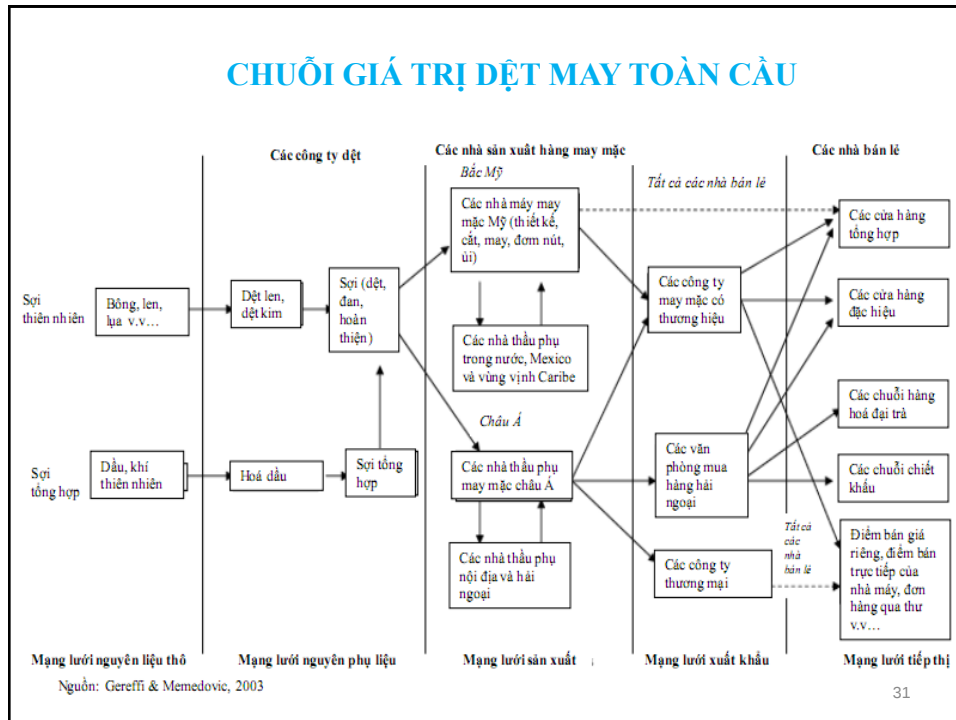
Nguồn: Hiệp hội dệt May VN

28

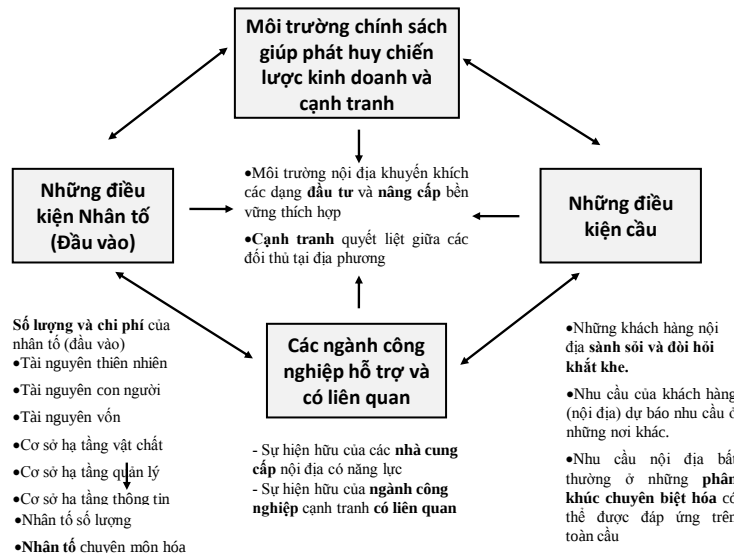
MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- **Đánh giá năng lực cạnh tranh** của cụm ngành dệt may TP. HCM – BD - ĐN trong mối quan hệ đối sánh với các cụm ngành cạnh tranh trong khu vực
- **Vẽ sơ đồ cụm ngành** dệt may HCM – BD - ĐN
- **Định vị chuỗi giá trị** dệt may HCM – BD - ĐN trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu.
- Đề xuất **tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược và chính sách** phát triển cụm ngành dệt may của chính quyền HCM – BD - ĐN.



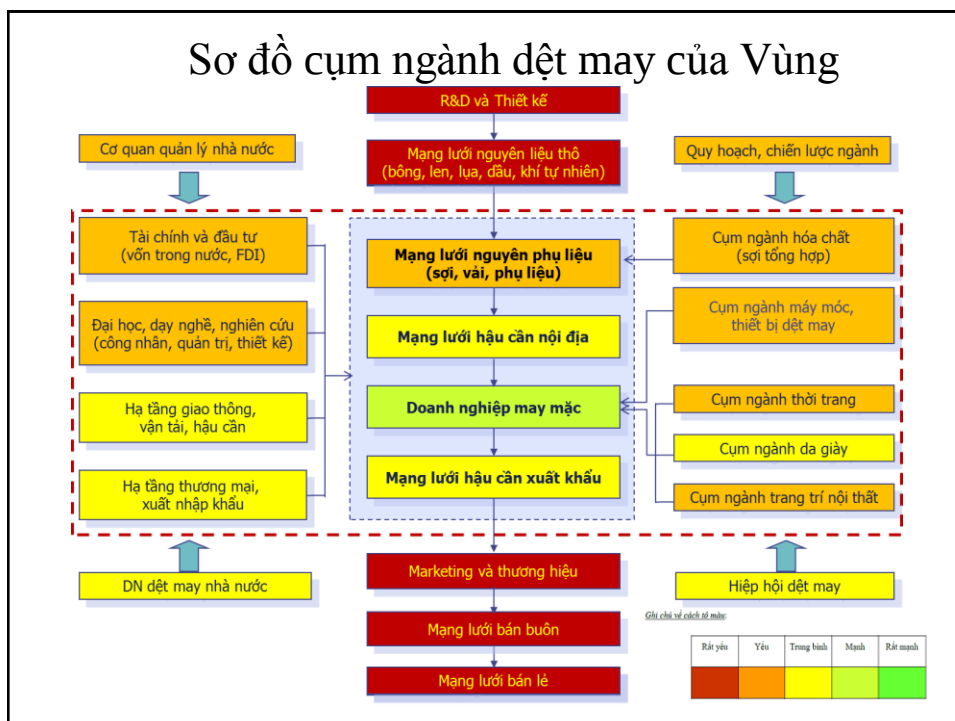
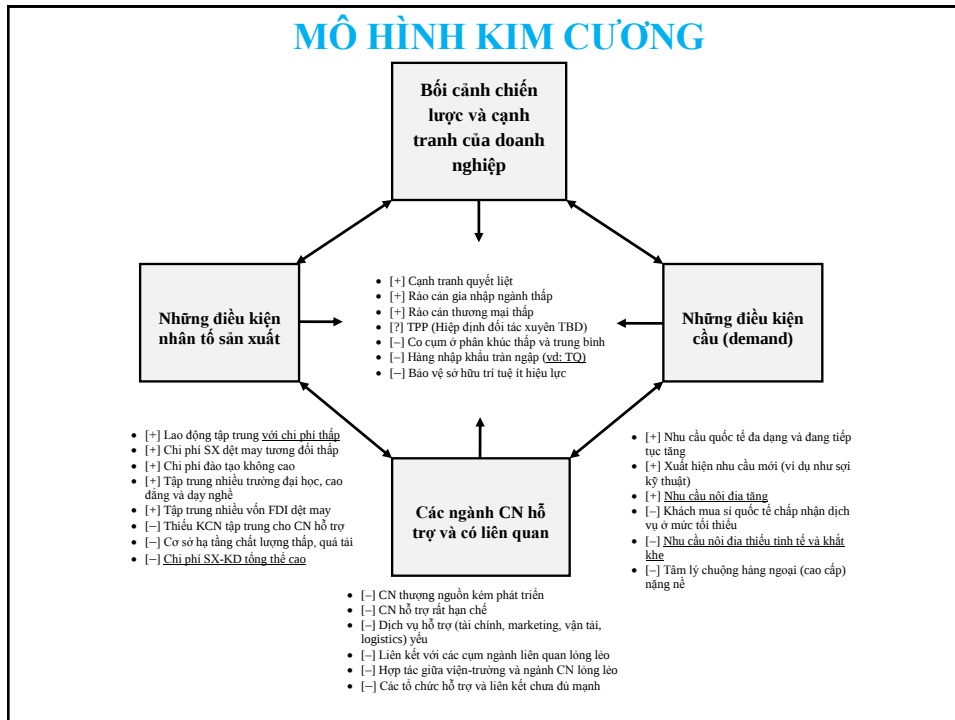


Đánh giá lợi thế cạnh tranh của địa phương



Vị trí DN dệt may Vùng trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu

- Ngành dệt may Việt Nam vẫn chỉ ở vị trí đáy của chuỗi giá trị toàn cầu với giá trị gia tăng thấp.
 - Tập trung xuất khẩu các sản phẩm may mặc theo phương thức gia công.
 - Khó nâng cấp lên các phương thức sản xuất cao hơn như ODM, và OBM do thiếu sự liên kết các công đoạn thượng nguồn bao gồm trồng bông, dệt, nhuộm và hoàn tất.
 - Điểm yếu lớn nhất trong chuỗi giá trị dệt may Việt Nam là khâu tiếp thị và khâu xuất khẩu.
- ➔ Sự tham gia của các DN dệt may của Vùng trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu là rất hạn chế.



Câu hỏi chính sách: Dệt may có phải là ngành mà Vùng vẫn đang có lợi thế so sánh và cần được ưu tiên phát triển với những chính sách hỗ trợ cụ thể hay không?

Lợi thế vẫn tồn tại

- Chiến lược cạnh tranh của DN dựa vào chi phí thấp, nhưng là của lao động kỹ năng và lợi thế từ kỹ thuật SX.
- Nguồn cung sẵn có của đầu vào và CSHT hỗ trợ.
- Cụm ngành vẫn đang trong quá trình hình thành.

Thách thức

- Có cơ hội, nhưng không thấy rõ năng lực nâng cấp chuỗi giá trị.
- Áp lực đối với việc cung cấp dịch vụ xã hội cho lao động nhập cư.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NGÀNH DỆT MAY

Hai cách tiếp cận đối với chiến lược phát triển ngành dệt may

	<i>Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020</i>	<i>Khảo sát đánh giá năng lực cạnh tranh của cụm ngành dệt may trên địa bàn Thành phố và một số địa phương lân cận</i>
1	“Phát triển ngành Dệt May theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, nhằm tạo ra bước nhảy vọt về chất và lượng sản phẩm.”	Phát triển ngành dệt may theo hướng nâng cấp công nghiệp, tức là nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành dệt may.
2	“Lấy xuất khẩu làm mục tiêu cho phát triển của ngành, mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phát triển tối đa thị trường nội địa.”	Lấy giá trị gia tăng làm mục tiêu, đồng thời là thước đo cho sự phát triển của ngành.
3	“Phát triển ngành Dệt May phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp nông thôn.”	Cân đối lợi ích của việc phát triển ngành dệt may với bảo vệ môi trường.
4	“Chuyển các doanh nghiệp Dệt May sử dụng nhiều lao động về các vùng nông thôn, đồng thời phát triển thị trường thời trang Dệt May Việt Nam tại các đô thị và thành phố lớn.”	Cần hiểu và vận dụng đúng quy luật thị trường về xu thế dịch chuyển lao động cũng như phát triển thị trường thời trang dệt may.
5	“Đa dạng hóa sở hữu và loại hình doanh nghiệp trong ngành Dệt May, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển Dệt May Việt Nam.”	Tạo điều kiện tối đa cho khu vực tư nhân phát triển. Tận dụng tối đa cơ hội và nguồn lực (cả trong và ngoài nước) để nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành dệt may trong nước.
6	“Phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho sự phát triển bền vững của ngành Dệt May Việt Nam.”	Ưu tiên phát triển chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho nâng cấp chuỗi giá trị và hoàn thiện cụm ngành dệt may.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

1) Xem xét lại chính sách khuyến khích các DN dệt may sử dụng nhiều lao động di dời ra khỏi Vùng

- Hạn chế một cách máy móc đầu tư may mặc vào Vùng thì hoạt động kinh tế này sẽ không di chuyển ra các tỉnh khác mà di chuyển sang các nước khác.
- Chỉ khuyến khích di dời đối với các DN dệt may nằm trong các quận đô thị đã phát triển và nằm ngoài các KCN.
- Không thực hiện chính sách hạn chế dự án đầu tư dệt may mới vào Vùng mà thay vào đó là chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc.
- Việc nâng cấp chuỗi giá trị và hướng tới các hoạt động có GTGT cao hơn sẽ đến từ đầu tư mới.
- Thu hút đầu tư có chọn lọc nhằm tăng GTGT hoạt động SX dệt may cần được thực hiện theo hai hướng: (i) sản xuất sản phẩm may mặc có giá trị lớn hơn và đòi hỏi lao động có tay nghề cao hơn; (ii) sản xuất và xuất khẩu theo các phương thức có GTGT cao hơn.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

2) Nâng cấp cụm ngành, tăng cường liên kết và hợp tác trong cụm ngành dệt may

Vai trò liên kết và hợp tác của **Hiệp hội Dệt May và VCCI-HCM** như là một *thể chế hỗ trợ* then chốt cho sự phát triển của cụm ngành dệt may trong Vùng:

- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cung cấp thông tin thị trường*: thông tin về nội dung và tác động của những hiệp định và cam kết quốc tế liên quan đến ngành dệt may, chính sách thương mại cập nhật của các nước nhập khẩu quan trọng (biểu thuế nhập khẩu, các hàng rào phi thuế quan, luật chống bán phá giá), và dự báo thị trường trong và ngoài nước (xu thế thị hiếu, giá cả, nhu cầu).
- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cầu nối giữa các bộ phận của cụm ngành* như máy móc và thiết bị dệt may, hóa chất, thời trang, da giày, nội thất, viện, trường đại học, trung tâm đào tạo nghề, tín dụng, ...
- *Thể chế hỗ trợ đóng vai trò cầu nối và kênh đối thoại chính sách với các cơ quan của nhà nước*.
- *Thể chế hỗ trợ giúp các DN dệt may trong hoạt động xúc tiến thương mại*

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

3) Tận dụng cơ hội tham gia Hiệp định Xuyên Thái Bình Dương (TPP) để thu hút đầu tư nâng cấp chuỗi giá trị dệt may.

- *Ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp của các DN dệt may nước ngoài có năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, khả năng tổ chức quản lý, và nhất là hiểu biết nhu cầu dệt may trên thị trường thế giới đầu tư vào các công đoạn sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất nhằm:*
 - trước mắt đáp ứng quy tắc “từ sợi trở đi”, hướng ưu đãi về thuế vào các thị trường các nước thuộc TPP.
 - hưởng lợi từ sự hấp thu công nghệ, trình độ quản lý và lao động có tay nghề từ các DN FDI đầu tư vào các công đoạn sợi, dệt, nhuộm, hoàn tất từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia vào các công đoạn này.
 - thực hiện các phương thức sản xuất đem lại giá trị gia tăng cao hơn, chẳng hạn như chuyển từ CMT sang FOB đúng nghĩa.
- *Các địa phương trong Vùng cũng cần tạo điều kiện cho các DN dệt may nội địa, đặc biệt là các DN lớn (bao gồm cả các DNNN thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam), tham gia đầu tư vào các công đoạn sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất*

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Cụ thể:

- Vùng (cộng với Long An) là trọng tâm thu hút FDI vào hoạt động sản xuất sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất.
- Áp dụng chính sách ưu đãi về tiền thuê đất trong khu công nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi – dệt – nhuộm – hoàn tất (đồng nhất cho cả DN FDI và DN trong nước) nếu ngoài xuất khẩu sản phẩm, cung cấp từ 30% sản lượng trở lên cho thị trường nội địa.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4) Khuyến khích nâng cấp công nghiệp dệt may trong mối quan hệ cân đối với bảo vệ môi trường.

- Chính quyền địa phương của Vùng cần tạo điều kiện để thu hút đầu tư vào các công đoạn dệt – nhuộm – hoàn tất, đồng thời cân đối với chính sách bảo vệ môi trường. Để thực hiện được chính sách này, thứ nhất chính quyền địa phương cần quy hoạch các khu công nghiệp tập trung cho các ngành ô nhiễm nói chung và ngành dệt nhuộm nói riêng trong đó có các khu xử lý nước thải tập trung nhằm làm giảm chi phí xử lý nước thải cho các DN.
- Trong trường hợp không thể xây dựng các khu công nghiệp tập trung như đã nói ở trên thì khi thu hút đầu tư vào ngành dệt nhuộm, chính quyền địa phương cần định hướng thu hút các DN có năng lực xử lý nước thải (đảm bảo vốn đầu tư cho hệ thống xử lý nước thải lẫn kỹ thuật xử lý).
- Cần nhất quán với tiêu chuẩn nước thải sau xử lý thải ra môi trường bên ngoài là loại B theo quy định của pháp luật để mức chi phí xử lý nước thải hợp lý.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

5) Các chính sách giúp DN kiểm soát chi phí

- Cần giúp các DN dệt may nâng cao hiệu quả thông qua việc đào tạo lao động có kỹ năng và tinh thần kỷ luật, đồng thời áp dụng các quy trình quản lý sản xuất chuẩn mực.
- Giảm các chi phí do nhập khẩu quá nhiều thông qua:
 - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin thị trường, nhờ đó giúp DN giảm chi phí tìm kiếm thông tin giá cả, thị trường, đối tác, nguồn cung ứng,...
 - Giúp hình thành các cầu nối hay đầu mối mua/nhập khẩu/cung ứng nguyên phụ liệu tập trung.
- Duy trì mặt bằng lãi suất ổn định ở mức thấp thông qua bình ổn kinh tế vĩ mô.
- Cần tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích tụ và mở rộng quy mô của các DN dệt may tận dụng lợi thế do tăng quy mô để giảm chi phí.
- Cải thiện dịch vụ logistics thông qua việc tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng mới và nâng cao hiệu quả khai thác các cơ sở hạ tầng hiện hữu, giảm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa sẽ giúp giảm đáng kể chi phí xuất nhập khẩu.
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng trong môi trường hợp tác và liên kết vùng

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

6) Thay đổi chính sách thuế VAT và cải tiến thủ tục hải quan

- Bộ Tài chính cần thay đổi chính sách thuế VAT theo hướng xóa bỏ phân biệt đối xử giữa nguyên vật liệu nhập khẩu và sản xuất trong nước để sản xuất hàng xuất khẩu.
- Cải thiện sự thuận lợi và giảm thời gian thông quan – chẳng hạn như thông qua hải quan điện tử hay tăng cường hậu kiểm nhằm giảm thời gian giao hàng.

7) Các chính sách đào tạo và phúc lợi cho lao động nhằm đáp ứng nhu cầu lao động cho các DN dệt may trong Vùng

- Nên khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề dệt may, nhất là những cơ sở có liên kết chặt chẽ với khu vực DN. Chú ý đảm bảo các điều kiện sau: (i) Các trung tâm đào tạo nghề phải có chất lượng đáp ứng được nhu cầu của các DN; (ii) hỗ trợ ưu tiên đối với các cơ sở đào tạo có mối liên kết càng chặt chẽ với khu vực DN; (iii) trợ cấp được giải ngân khi người lao động thực sự tìm được việc làm ổn định, phù hợp với kỹ năng được đào tạo.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

- Chính quyền địa phương cần khuyến khích các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng trên địa bàn đào tạo các chuyên ngành này, tốt nhất là với sự phối hợp của các DN dệt may hàng đầu nhằm đào tạo lao động có trình độ cao.
- Thực hiện tốt các chính sách phúc lợi dành cho người lao động nhằm tạo sự gắn bó của họ với DN.

8) Phát triển và khai thác thị trường nội địa

- Các địa phương trong Vùng, đặc biệt là TP. HCM, nên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty thương mại lớn chuyên mua bán – bán lẻ sản phẩm may mặc phát triển hệ thống bán lẻ tại địa phương của mình.
- Chú trọng phân khúc khách hàng thu nhập khá vì đây là những người tiêu dùng có thị hiếu tinh tế, thích thú với cái mới và không quá nhạy cảm về giá cả.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

- Các sở ban ngành hữu quan, và đặc biệt là Hiệp hội Dệt May, cần tiến hành những nghiên cứu toàn diện và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường nội địa việc kết nối thông tin với các xu hướng thời trang thế giới, tổ chức các hội chợ, chương trình thời trang để một mặt phát triển năng lực của DN, đồng thời tạo cơ hội quảng bá thương hiệu, tìm hiểu đối tác, và nắm bắt nhu cầu thị trường.
- Việc kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động nhập khẩu tiểu ngạch và buôn lậu, đồng thời xiết chặt các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn sản phẩm may mặc.